

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v tranh chấp: "Chia tài sản
sau khi ly hôn"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Ái Doan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 131/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 390/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng A, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ A, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2024).

Bị đơn: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Thảo N, sinh năm: 1999 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị **Lê Ngọc Cẩm N1**, sinh năm: 2004 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị **Lê Thị T.**

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, ông **Lê Hoàng Á** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Lê Thị T** trình bày: Chị **Lê Thị T** với anh **Lê Ngọc H** là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1998 và đến năm 2021 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 04/5/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè. Chị **T** và anh **H** chỉ thỏa thuận về hôn nhân và con chung, chưa giải quyết về tài sản chung.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có tạo lập một tài sản là một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông cát trên phần đất ở thửa 166, diện tích là 150,3m², địa chỉ tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**, do anh **H** đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại căn nhà và phần đất trên do anh **H** quản lý sử dụng.

Kể từ khi ly hôn cho đến nay giữa chị **T** và anh **H** cũng không thỏa thuận được việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Nay chị **T** khởi kiện yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà và ½ diện tích đất và chị xin nhận giá trị theo kết quả định giá, đồng ý giao toàn bộ tài sản trên cho anh **H**.

Bị đơn anh **Lê Ngọc H** trình bày: Anh xác định căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông là tài sản chung của vợ chồng, còn thửa đất số 166, diện tích là 150,3m², địa chỉ tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** là tài sản của cá nhân anh không phải là tài sản chung của vợ chồng, phần đất này là của cha anh là ông **Lê Văn H1** tặng cho cá nhân anh.

Nay anh không đồng ý chia căn nhà như chị **T** yêu cầu vì khi ly hôn anh đã có chia cho chị **T** một số tài sản khác có giá trị tương đương với giá trị căn nhà. Đối với phần diện tích đất 150,3m² là tài sản của cá nhân anh nên không đồng ý chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Lê Thị Thảo N** và chị **Lê Ngọc Cẩm N1** trình bày: chị **N** và chị **N1** là con của anh **H** và chị **T** nay cha và mẹ hai chị tranh chấp chia tài sản chung là phần đất diện tích là 150,3m² và căn nhà trên phần đất trên hai chị không có yêu cầu và tranh chấp gì vì đây là tài sản của cha mẹ và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 131/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều

228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 43, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị T**. Buộc anh **Lê Ngọc H** phải hoàn trả cho chị **Lê Thị T** $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 82.393.785 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành đối với số tiền phải thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh **Lê Ngọc H** được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà có diện tích là 72,3 m², cất trên phần đất ở thửa số 166, diện tích 150,3m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 143,8 m²), tọa lạc tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị T** về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở thửa số 166, diện tích 150,3m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 143,8 m²), tọa lạc tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn chị **Lê Thị T** có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm xét xử ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS- HNGĐ đối với bản án sơ thẩm số 131/2024/HN-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè: Kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 131/2024/HN-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đối với phần yêu cầu chia tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất thửa 166. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 131/2024/HN-ST ngày 22/5/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Lê Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Kháng nghị số 03/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 05/6/2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè đề nghị hủy án do chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nhưng cấp phúc thẩm

đã khắc phục xong, vì vậy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Đối với tài sản là thửa đất số 166 anh **H** cho rằng anh được tặng cho riêng nhưng anh không có gì chứng minh, anh **H** cũng thừa nhận anh và chị **T** cất nhà trên đất trước khi được hộ ông **H1** làm thủ tục tặng cho, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ nhưng anh **H** và hộ ông **H1** cũng không khiếu nại gì. Tuy giấy đất cấp cho hộ nhưng hai con của anh **H** và chị **T** đều xác định là tài sản riêng của anh **H** và chị **T**. Như vậy có đủ cơ sở xác định thửa đất số 166 là tài sản chung của anh **H** và chị **T**. Xét yêu cầu kháng cáo của chị **T** là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm chia cho chị **T** $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 166, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, xem xét lại án phí sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị **Lê Thị T**, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị **Lê Thị T** làm trong hạn luật định, nội dung phù hợp nên được xem xét chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Lê Thị Thảo N** và **Lê Ngọc Cẩm N1** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với chị **N** và chị **N1**.

[2] Về nội dung vụ án: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Ngọc H** là vợ chồng, chung sống với nhau vào năm 1998, anh chị có hai con chung là **Lê Thị Thảo N**, sinh ngày 02/4/1999 và **Lê Ngọc Cẩm N1**, sinh ngày 23/01/2004. Chị **T** và anh **H** được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cho ly hôn vào năm 2021 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 04/5/2021. Khi ly hôn chị **T** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Nay chị **T** yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông cát trên phần đất thửa số 166, diện tích là 150,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**, do anh **H** đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị **T** yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất. Giá trị theo kết quả của Hội đồng định giá.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **T**, buộc anh **H** chia cho chị **T** $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, không chấp nhận yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất. Chị **T** không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có quyết định kháng nghị đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm.

[5] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của chị **Lê Thị T**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, về phân tài sản chung chị **T** và anh **H** thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Nay chị **T** và anh **H** không thỏa thuận được nên chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[5.2] Chị **T** và anh **H** thống nhất trình bày căn nhà có kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông cát trên phần đất có diện tích là 150,3m² thuộc thửa số 166, loại đất trồng cây lâu năm, tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** là do vợ chồng cùng cất. Tuy nhiên theo anh **H** trình bày, khi ly hôn anh và chị **T** đã thỏa thuận anh đã chia cho chị **T** một số tài sản còn căn nhà là để lại cho hai đứa con gái nên anh không đồng ý chia giá trị căn nhà cho chị **T** theo yêu cầu của chị **T**. Nhưng chị **T** không thừa nhận, anh **H** không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là có sự thỏa thuận giữa chị **T** và anh **H** đối với tài sản là căn nhà, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà là tài sản chung chưa chia của chị **T** và anh **H**, buộc anh **H** có nghĩa vụ chia cho chị **T** ½ giá trị căn nhà là có căn cứ và phù hợp.

[5.3] Đối với diện tích đất 150,3m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 143,8m²) thuộc thửa 166, loại đất trồng cây lâu năm tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** do anh **Lê Ngọc H** đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH01684 ngày 31/7/2015, do **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang cấp. Theo anh **H** trình bày thì thửa đất này anh được cha của anh là ông **Lê Văn H1** tặng cho riêng anh, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên anh không đồng ý chia cho chị **T**.

[5.3.1] Nhận thấy thửa đất số 166, diện tích 150,3m² có nguồn gốc là một phần của thửa số 743, tờ bản đồ C2, diện tích 2.560m², loại đất trồng cây lâu năm và đất ở, do hộ ông **Lê Văn H1** đứng tên quyền sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00228 ngày 26/7/2005 do **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang cấp. Ngày 27/4/2015 hộ ông **Lê Văn H1** gồm ông **Lê Văn H1**, anh **Nguyễn Ngọc N2** và chị **Trần Thị Thanh N3** lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bên được tặng cho là chủ hộ **Lê Ngọc H**, hợp đồng được **Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** ký chứng thực ngày 25/5/2015. Ngày

31/7/2015, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 40, diện tích 150,3m² loại đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH01684 cho người sử dụng đất là “Hộ ông Lê Ngọc H”. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bên tặng cho là hộ ông Lê Văn H1 cũng như bên được tặng cho là anh Lê Ngọc H cũng không khiếu nại gì về việc hộ ông Hai t cho riêng anh H. Anh H cũng thừa nhận anh và chị T cất nhà và cùng hai con chung sống trên đất khoảng năm 2005 trước khi được ông H1 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và tặng cho trong thời kỳ hôn nhân của anh chị. Tại văn bản số 3207/UBND-NC ngày 10/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xác định tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho anh Lê Ngọc H, anh H là chủ hộ, gồm 04 thành viên: anh Lê Ngọc H-chủ hộ, chị Lê Thị T-vợ chủ hộ, Lê Thị Thảo N-con chủ hộ và Lê Ngọc Cẩm N1-con chủ hộ. Tuy nhiên chị Thảo N và chị Cẩm N1 cho rằng đây là tài sản riêng của anh H và chị T hai chị không yêu cầu. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định hộ ông Lê Văn H1 tặng cho quyền sử dụng đất là tặng cho chung anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị T trong thời kỳ hôn nhân thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ anh Lê Ngọc H, không phải là cấp cho cá nhân anh H. Anh H cho rằng đây là tài sản anh được tặng cho riêng nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của anh H.

[5.3.2] Như nhận định trên thì thửa đất số 166, tờ bản đồ số 40, diện tích 150,3m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 143,8m²) loại đất trồng cây lâu năm tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản anh H, chị T được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình đây được xem là tài sản chung của anh H và chị T, vì vậy việc chị T yêu cầu được chia thửa đất trên là hoàn toàn phù hợp.

[5.4] Tuy nhiên thửa đất số 166 có nguồn gốc là của gia đình anh H tặng cho không phải là tài sản do vợ chồng tạo lập, chị T chỉ có công sức đóng góp duy trì và phát triển khối tài sản chung, vì vậy việc chị T yêu cầu được chia đôi giá trị quyền sử dụng của thửa đất là chưa hoàn toàn phù hợp, cần xem xét chia cho chị T 40% giá trị quyền sử dụng và chia cho anh H 60% giá trị quyền sử dụng đất. Hiện nay nhà và đất do anh H quản lý, vì vậy cần giao cho anh H tiếp tục quản lý sở hữu và sử dụng căn nhà và diện tích đất nói trên, anh H có nghĩa vụ chia lại giá trị cho chị T.

[5.5] Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Tiền Giang thì căn nhà có diện tích 72,3m² giá trị thành tiền là 164.431.890đồng, trên đất có hàng rào trụ đá, lưới B40 cao 1,5m dài 4,16m

giá trị thành tiền là 355.000đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 164.787.570đồng chia đôi mỗi người là 82.393.785đồng. Đất có giá chuyển nhượng tại địa phương là 3.700.000đồng/m², như vậy giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất của diện tích 143,8m² thành tiền là 532.060.000đồng, chia cho chị **T** 40% giá trị quyền sử dụng là 212.824.000đồng, anh **H** 60% giá trị quyền sử dụng là 319.236.000đồng, do giao đất cho anh **H** tiếp tục quản lý sử dụng nên anh **H** có nghĩa vụ chia lại cho chị **T** số tiền là 212.824.000đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản anh **H** có nghĩa vụ chia lại cho chị **T** là 295.217.785đồng.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị **T** là có căn cứ một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị **T**, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Do chị **T** tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu của chị **T** về việc yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất 166 nhưng lại buộc chị **T** phải chịu án phí là chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Lê Thị T** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điều 147, điều 148, khoản 2 điều 296, khoản 2 điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33, điều 59 và điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị **Lê Thị T**.

2. Chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 05/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, kháng nghị phúc thẩm đối với bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số

131/2024/HNST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

3. Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 131/2024/HNST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Buộc anh **Lê Ngọc H** có nghĩa vụ chia cho chị **Lê Thị T** ½ giá trị căn nhà và 40% giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 166, tờ bản đồ số 40, diện tích đo đạc thực tế là 143,8m² tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** với tổng số tiền là 295.217.785đồng.

Anh **Lê Ngọc H** được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà có diện tích 72,3m², kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tole, nền gạch ceramic; 01 hàng rào trụ đá, lưới B40 cao 1,5m, dài 4,16m và được quyền quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 166, tờ bản đồ số 40, diện tích 150,3m² (đo đạc thực tế diện tích 143,8m²), loại đất trồng cây lâu năm, tại **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** do anh **H** đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01684 ngày 31/7/2015 do **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang cấp.

4. Về án phí: Chị **Lê Thị T** phải chịu 14.760.889đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị **T** đã nộp 2.800.000đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0012561 và 0012565 cùng ngày 14/6/2023 và biên lai thu số 0015417 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, chị **T** còn phải nộp tiếp số tiền là 11.960.889đồng.

Chị **T** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Anh **Lê Ngọc H** phải chịu là 20.065.191đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày chị **T** yêu cầu thi hành án, nếu anh **H** chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh